

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2021/HS-ST

Ngày: 27-8-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 218/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Xuân M, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1987 tại: Thành phố N, tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Đường V, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036087004985; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T và bà Trần Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-5-2021, chuyển tạm giam từ ngày 20-5-2021, đến ngày 03-6-2021 thay đổi thành biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Đường B, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xã X, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Anh Trần Công S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường Y, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2021, tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Trần Xuân M đã cho người khác vay tiền với lãi suất cao để hưởng lợi bất chính. M quy định mức lãi suất cho vay từ 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày cho tùy từng khoản vay và tùy từng khách vay khác nhau. Cụ thể như sau:

*** Trường hợp thứ 1:** Người vay là anh Nguyễn Đình H.

Do có nhu cầu vay tiền nên anh Nguyễn Đình H đã liên hệ với Trần Xuân M để vay tiền. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 4/2021 M đã cho anh H vay tiền 04 (bốn) lần. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 02-02-2020, anh H vay M số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), cứ 30 ngày anh H phải đóng tiền lãi cho M 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho anh H vay tiền, M thu luôn tiền lãi kỳ đầu tiên là 2.250.000 đồng và đưa cho anh H số tiền là 12.750.000 đồng. Anh H viết cho M 01 giấy vay tiền và để lại cho M 01 Sổ hộ khẩu mang tên “Nguyễn Thị Huyền” (là mẹ đẻ của anh H) làm tin. Đến ngày 02-10-2020 anh H trả lại M số tiền gốc khoản vay này và đóng đầy đủ 08 kỳ lãi, tương ứng với 240 ngày lãi. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, anh H đã trả cho M là 18.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 240 \text{ ngày} = 1.972.602 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $18.000.000 \text{ đồng} - 1.972.602 \text{ đồng} = 16.027.398 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Ngày 11-02-2020 anh H tiếp tục vay M số tiền 15.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất và kỳ đóng lãi như trên. Khi cho anh H vay tiền, M thu luôn tiền lãi kỳ đầu tiên là 2.250.000 đồng và đưa cho anh H số tiền là 12.750.000 đồng. Anh H viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Đến ngày 11-10-2020 anh H trả lại M số tiền gốc đã vay thì M trả lại 02 giấy vay tiền anh H đã viết cùng Sổ hộ khẩu mang tên “Nguyễn Thị Huyền”. Anh H đã đóng đầy đủ 8

kỳ lãi, tương ứng với 240 ngày lãi. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, anh Nguyễn Đình H đã trả cho M là 18.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 240 \text{ ngày} = 1.972.602 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $18.000.000 \text{ đồng} - 1.972.602 \text{ đồng} = 16.027.398 \text{ đồng}$.

- Lần 3: Ngày 04-4-2021 anh H tiếp tục vay M số tiền 5.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất và kỳ đóng lãi như trên. Khi cho anh H vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 750.000 đồng và đưa cho anh H số tiền còn lại là 4.250.000 đồng. Anh H viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Từ đó đến nay, anh H chưa đóng tiếp tiền lãi cho M. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, anh H đã trả cho M là 750.000 đồng, tương ứng với 01 kỳ lãi là 30 ngày lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 82.191 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M đã thu lợi bất chính là $750.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng} = 667.809 \text{ đồng}$.

- Lần 4: Ngày 11-4-2021 anh H tiếp tục vay M số tiền 5.000.000 với thỏa thuận lãi suất và kỳ đóng lãi như trên. Khi cho anh H vay tiền, M thu luôn tiền của kỳ lãi đầu tiên là 750.000 đồng và đưa cho anh H số tiền còn lại là 4.250.000 đồng. Anh H viết cho M 01 giấy vay tiền và để lại 01 Giấy phép lái xe mang tên "Nguyễn Đình H" làm tin. Từ đó đến nay, anh H chưa đóng tiếp tiền lãi cho M. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, anh H đã trả cho M là 750.000 đồng, tương ứng với 01 kỳ lãi là 30 ngày lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 82.191 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M đã thu lợi bất chính là $750.000 \text{ đồng} - 82.191 \text{ đồng} = 667.809 \text{ đồng}$.

Ngày 28-6-2021, anh Nguyễn Đình H đã trả lại cho Trần Xuân M số tiền nợ gốc của các khoản vay ngày 04-4-2021 và ngày 11-4-2021, tổng cộng là 10.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Xuân M đã cho anh Nguyễn Đình H vay là 40.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính của anh H là 33.390.414 đồng.

*** Trường hợp thứ 2:** Người vay là chị Nguyễn Thị T1.

Từ tháng 10/2020 đến tháng 5/2021 M cho chị T1 vay tiền 07 (bảy) lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 16-10-2020 chị T1 vay M số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất

146%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 600.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền còn lại là 9.400.000 đồng. Chị T1 viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Từ đó đến ngày 04-01-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên “Nguyễn Thị T1” đóng đều đặn cho M 6 kỳ lãi, tương ứng với 90 ngày lãi, vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Đến ngày 04-01-2021 chị T1 trả lại M số tiền gốc của khoản vay này. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 3.500.000 đồng (trong quá trình trả lãi, M đã cho chị T1 100.000 đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} = 493.150 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $3.500.000 \text{ đồng} - 493.150 \text{ đồng} = 3.006.850 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Cùng ngày 16-10-2020, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi kỳ đầu là 6.000.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền còn lại là 94.000.000 đồng. Chị T1 viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Từ đó đến ngày 04-5-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên “Nguyễn Thị T1” đóng đều đặn cho M 13,5 kỳ lãi, tương ứng với 203 ngày lãi, vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Đến ngày 04-05-2021 chị T1 trả lại M số tiền gốc của khoản vay này. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 81.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 203 \text{ ngày} = 11.123.287 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $81.000.000 \text{ đồng} - 11.123.287 \text{ đồng} = 69.876.713 \text{ đồng}$.

- Lần 3: Ngày 06-12-2020, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 3.000.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền còn lại là 47.000.000 đồng. Chị T1 viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Đến ngày 04-01-2021 chị T1 trả số tiền gốc khoản vay này. Từ lúc vay đến ngày 04-01-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên “Nguyễn Thị T1” đóng cho M 02 kỳ lãi, tương ứng với 29 ngày lãi (do trả nợ gốc sớm 01 ngày), vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 5.800.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ ngày} = 794.520 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $5.800.000 \text{ đồng} - 794.520 \text{ đồng} = 5.005.480 \text{ đồng}$.

- Lần 4: Ngày 28-01-2021, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 127,75%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 5.250.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền là 94.750.000 đồng. Từ đó đến ngày 04-05-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên “Nguyễn Thị T1” đóng đều đặn cho M 07 kỳ lãi, tương ứng với 105 ngày lãi, vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 36.550.000 đồng (trong quá trình trả lãi, M đã cho chị T1 200.000 đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 105 \text{ ngày} = 5.753.424 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $36.550.000 \text{ đồng} - 5.753.424 \text{ đồng} = 30.796.576 \text{ đồng}$.

- Lần 5: Ngày 22-01-2021, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 127,75%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 3.675.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền là 66.325.000 đồng. Chị T1 viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Từ đó đến ngày 08-05-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên “Nguyễn Thị T1” đóng đều đặn cho M 08 kỳ lãi, tương ứng với 120 ngày lãi, vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 29.345.000 đồng (trong quá trình trả lãi, M đã cho chị T1 55.000 đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 70.000.000 \text{ đồng} \times 120 \text{ ngày} = 4.602.739 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $29.345.000 \text{ đồng} - 4.602.739 \text{ đồng} = 24.742.261 \text{ đồng}$.

- Lần 6: Ngày 02-02-2021, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 20.000.000 với lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 127,75%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 1.050.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền là 18.950.000 đồng. Đến ngày 08-04-2021 chị

T1 đã trả lại M số tiền gốc của khoản vay này. Từ khi vay đến ngày 08-04-2021, chị T1 sử dụng tài khoản ngân hàng VP Bank số 104689663 mang tên "Nguyễn Thị T1" đóng đều đặn cho M 05 kỳ lãi, tương ứng với 66 ngày lãi (do trả nợ gốc sớm 09 ngày), vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Tổng cộng số tiền lãi của khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 4.550.000 đồng (trong quá trình trả lãi, M đã cho chị T1 100.000 đồng).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 66 \text{ ngày} = 723.287 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $4.550.000 \text{ đồng} - 723.287 \text{ đồng} = 3.826.713 \text{ đồng}$.

- Lần 7: Ngày 05-05-2021, chị T1 tiếp tục vay M số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 127,75%/năm), cứ 15 ngày chị T1 phải đóng lãi 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho chị T1 vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 5.250.000 đồng và đưa cho chị T1 số tiền là 94.750.000 đồng. Từ đó đến khi hành vi của M bị cơ quan Công an phát giác, chị T1 chưa đóng tiền lãi cho khoản vay này thêm lần nào. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, chị T1 đã trả cho M là 5.250.000 đồng, tương ứng với 01 kỳ lãi (15 ngày lãi).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 821.917 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $5.250.000 \text{ đồng} - 821.917 \text{ đồng} = 4.428.083 \text{ đồng}$.

Ngày 25-6-2021, chị Nguyễn Thị T1 đã trả lại cho Trần Xuân M số tiền nợ gốc của các khoản vay ngày 22-01-2021, ngày 28-01-2021 và ngày 05-5-2021, tổng cộng là 270.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Xuân M đã cho chị Nguyễn Thị T1 vay là 450.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính của chị T1 là 141.682.676 đồng.

*** Trường hợp thứ 3:** Người vay là anh Trần Công S.

Từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021 M đã cho anh S vay tiền 02 (hai) lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 21-12-2020, anh S vay M số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), cứ 30 ngày anh S phải đóng tiền lãi cho M 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho anh S vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 2.250.000 đồng và đưa cho anh S số tiền là 12.750.000 đồng. Anh S viết cho M

01 giấy vay tiền và để lại 01 Căn cước công dân mang tên “Trần Công S” làm tin. Từ đó đến ngày 27-4-2021, anh S đóng tiền lãi trực tiếp cho M hoặc sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036561376013 mang tên “Trần Công S” đóng lãi vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Anh S đã đóng đều đặn cho M 05 kỳ lãi, tương ứng với 150 ngày lãi. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, anh S đã trả cho M là 11.250.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 150 \text{ ngày} = 1.232.876 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $11.250.000 \text{ đồng} - 1.232.876 \text{ đồng} = 10.017.124 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 18-3-2021, anh S tiếp tục vay M số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), cứ 30 ngày anh S phải đóng tiền lãi cho M 01 lần (gọi là một kỳ đóng tiền lãi). Khi cho anh S vay tiền, M thu luôn tiền lãi của kỳ đầu tiên là 750.000 đồng và đưa cho anh S số tiền là 4.250.000 đồng. Anh S viết cho M 01 giấy vay tiền làm tin. Từ đó đến ngày 18-4-2021, anh S đóng tiền lãi trực tiếp cho M hoặc sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19036561376013 mang tên “Trần Công S” đóng lãi vào tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035832791015 của M. Anh S đã đóng đều đặn cho M 02 kỳ lãi, tương ứng với 60 ngày lãi. Tổng cộng số tiền lãi cho khoản vay này, anh S đã trả cho M là 1.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi tối đa cho phép trong trường hợp này là $20\%/365 \text{ ngày} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} = 164.383 \text{ đồng}$. Số tiền lãi M thu lợi bất chính là $1.500.000 \text{ đồng} - 164.383 \text{ đồng} = 1.335.617 \text{ đồng}$.

Ngày 27-6-2021, anh Trần Công S đã trả lại cho Trần Xuân M số tiền nợ gốc của các khoản vay ngày 21-12-2020 và ngày 18-3-2021, tổng cộng là 20.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền Trần Xuân M đã cho anh Trần Công S vay là 20.000.000 đồng, số tiền lãi đã thu lợi bất chính của anh S là 11.352.741 đồng.

Thông qua nguồn tin nhân dân cung cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã làm việc với Trần Xuân M. Tại Cơ quan điều tra, Trần Xuân M đã làm đơn đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Lời khai của Trần Xuân M phù hợp với lời khai của những người vay tiền là anh Nguyễn Đình H, chị Nguyễn Thị T1 và anh Trần Công S cùng với các tài liệu, chứng cứ khác.

Quá trình điều tra, Trần Xuân M đã tự nguyện giao nộp 01 Giấy phép lái xe mang tên “Nguyễn Đình H” và 01 điện thoại di động Samsung S10+. Anh

Nguyễn Đình H đã tự nguyện giao nộp 02 giấy vay tiền của Trần Xuân M đối với 02 khoản vay ngày 02-02-2020 và ngày 11-02-2020.

Đối với số tiền lãi thu lợi bất chính tổng cộng là 186.425.831 đồng, trong quá trình điều tra Trần Xuân M đã trả lại cho anh Nguyễn Đình H số tiền 33.390.414 đồng, trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 141.682.676 đồng, trả lại cho anh Trần Công S số tiền 11.352.741 đồng.

Đối với số tiền 510.000.000 đồng mà Trần Xuân M sử dụng làm tiền gốc để cho vay và số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 29.817.169 đồng phải thu hồi để sung vào ngân sách nhà nước, Trần Xuân M đã sử dụng cho nhu cầu cá nhân nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Bản cáo trạng số 221/CT-VKSTPND ngày 02-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Trần Xuân M về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân M đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Xuân M tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, có tổng số tiền thu lợi bất chính là 186.425.831 đồng. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Xuân M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Xuân M từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo Trần Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Tịch thu chiếc điện thoại di động Samsung S10; truy thu số tiền gốc và tiền lãi hợp pháp (tiền lãi 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015) đối với bị cáo Trần Xuân M sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Xuân M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trần Xuân M nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Xuân M tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản đối chất; biên bản nhận dạng; biên bản thu giữ vật chứng; bảng sao kê tài khoản ngân hàng; bản ảnh chụp màn hình điện thoại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2021, Trần Xuân M đã cho 03 người vay tiền, với mức lãi suất từ 127,75%/năm đến 182,5%/năm, với tổng số tiền cho vay là 510.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 216.243.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm của tổng số tiền vay là 29.817.169 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm mười bảy nghìn một trăm sáu mươi chín đồng), số tiền lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 186.425.831 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Xuân M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; lãi suất bị cáo cho vay là từ 127,75%/năm đến 182,5%/năm, đã vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất 20% quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính là 186.425.831 nên bị cáo Trần Xuân M đã phạm tội “Cho

vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội, bị cáo Trần Xuân M đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền lãi thu lợi bất chính cho những người vay tiền nên sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Xuân M không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Xuân M là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Nam Định nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên do số tiền bị cáo thu lợi bất chính là tương đối thấp trong khung hình phạt, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố.

Xét thấy bị cáo Trần Xuân M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử sẽ miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Xuân M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Xuân M phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo Trần Xuân M có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền gốc 510.000.000 đồng của bị cáo Trần Xuân M sử dụng để cho vay là phương tiện phạm tội, hiện chưa thu được nên sẽ truy thu đối với bị cáo số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền lãi theo mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm mà bị cáo Trần Xuân M đã thu được là 29.817.169 đồng, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, hiện chưa thu được nên sẽ truy thu đối với bị cáo số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Chiếc điện thoại Samsung S10+ là phương tiện liên lạc của bị cáo Trần Xuân M trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên sẽ tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí:

Bị cáo Trần Xuân M bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân M 01 năm tù (một năm tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm (hai năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27-8-2021.

Bị cáo Trần Xuân M có thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-5-2021 đến ngày 03-6-2021.

Giao bị cáo Trần Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Xuân M cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Xuân M phải chấp hành hình phạt 01 năm tù (một năm tù) đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 (một) chiếc điện thoại di động Samsung được niêm phong trong túi có mã số NS2A 069038 sung vào ngân sách Nhà nước (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-7-2021).

Truy thu đối với bị cáo Trần Xuân M số tiền gốc 510.000.000 đồng và số tiền lãi 29.817.169 đồng, tổng cộng 539.817.169 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười bảy nghìn một trăm sáu mươi chín đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Xuân M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Xuân M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình H, chị Nguyễn Thị T1, anh Trần Công S (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường Lộc Vượng;
- UBND phường Cửa Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tuấn